

Bản án số: 14/ 2019/HSST
Ngày 21 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tần A Liều;

2. Bà Hoa Thị Vân;

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trung Kiên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2019/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò A D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Giầy.

Sinh ngày 18 tháng 02 năm 1987; Nơi sinh: Xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H'Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Con ông: Lò A L, sinh năm 1969; Con bà: Giàng Thị X, đã chết. Vợ: Giàng Thị C, sinh năm 1994; Con: Có có ba con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017. Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 17/12/2018, tạm giam ngày 23/12/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại: Chị Tráng Thị D, sinh năm: 2001 (không xác định được ngày tháng sinh).

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người bào chữa cho bị cáo Lò A D: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy - Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Giàng Thị C;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

- Anh Giàng A Kh;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Người phiên dịch cho Bị hại: Anh Giàng A S;

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 19/4/2018, Lò A D đi bộ từ nơi ở thôn T, xã C, huyện B đi sang nhà cậu tên là Giàng A Lor ở cùng thôn, khi Lò A D đi đến đoạn đường ngã ba đường liên thôn Tân Giang và đường đi xuống bờ Sông Hồng thì gặp Tráng Thị D, sinh năm 2001, trú cùng thôn đang đứng nói chuyện với bố là Tráng A Thanh, Lò A D đi đến nói chuyện và được biết Tráng A Thanh đang ở Đắc Nông về đón con gái là Tráng Thị D trốn gia đình nhà chồng đi Đắc Nông chơi. Lúc này, Lò A D nảy sinh ý định lừa Tráng Thị D đi sang Trung Quốc bán, vì trước đây Lò A D đi sang Trung Quốc làm thuê có quen một người đàn ông Trung Quốc có cho Lò A D số điện thoại và bảo Lò A D “Nếu đưa được người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán cho người đàn ông đó thì người đó sẽ cho tiền”. Lò A D bảo với Tráng Thị D và Tráng A Thanh là để Lò A D đưa Tráng Thị D đi sang Trung Quốc rồi ra thành phố Lào Cai để tránh sự phát hiện của gia đình chồng của Tráng Thị D, còn Tráng A Thanh đi ra thành phố Lào Cai đón, Tráng Thị D và Tráng A Thanh đồng ý. Sau đó Tráng A Thanh đi ra thành phố Lào Cai trước, Lò A D đưa Tráng Thị D đi theo lối mòn đi xuống bờ Sông Hồng, khi đi cách bờ sông hồng 47 m, Lò A D bảo Tráng Thị D đứng đợi, Lò A D đi về nhà để lấy túi nilon (loại túi bao phân đạm) làm phao bơi qua sông và trên đường về nhà Lò A D đã dùng điện thoại di động của mình gọi điện cho người đàn ông Trung Quốc theo số điện thoại mà người đàn ông trung quốc đã cho trước đó. Lò A D hẹn người đàn ông ra bờ sông phía Trung Quốc đón Lò A D đưa người phụ nữ Việt Nam sang bán, người đàn ông Trung Quốc nghe điện thoại xong đồng ý. Sau khi Lò A D lấy được túi nilon quay lại và dẫn Tráng Thị D đi xuống bờ Sông Hồng. Đến nơi Lò A D làm căng túi nilon rồi hai người cởi quần áo dài cho vào túi nilon, dùng dây rừng buộc lại miệng túi, Lò A D và Tráng Thị D mỗi người ôm một đầu túi làm phao và cùng nhau bơi qua sông, Sang đến bờ sông Trung Quốc, cả hai mặc lại quần áo rồi Tráng Thị D lấy điện thoại của mình ra gọi cho bố thì Lò A D giữ lại điện thoại của Tráng Thị D không cho gọi. Lò A D đưa Tráng Thị D lên đường ô tô đợi khoảng 05 phút thì

một người đàn ông Trung Quốc khoảng 40 tuổi, đi xe mô tô đến. Để Tráng Thị D không nghi ngờ, Lò A D nói với người đàn ông Trung Quốc “Đưa bạn tôi ra Cửa khẩu Lào Cai”, nghe vậy Tráng Thị D đồng ý đi theo người đàn ông Trung Quốc, người đàn ông Trung Quốc đi đến đưa tiền cho Lò A D, rồi đưa Tráng Thị D đi. Lò A D cầm tiền và đi xuống bờ sông Hồng rồi dùng túi nilon trấu để làm phao bơi qua Sông Hồng về phía Việt Nam, Lò A D vứt túi nilon làm phao bơi xuống Sông Hồng rồi đi về nhà. Về đến nhà Lò A D đếm số tiền được 1000 CNY (Một nghìn nhân dân tệ) và đi đổi ra tiền Việt Nam được 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng, Lò A D sử dụng tiêu sài cá nhân hết. Tráng Thị D được người đàn ông Trung Quốc đưa đi sâu vào trong nội địa Trung Quốc rồi bán lại cho một người khác để lấy làm vợ. Đến ngày 17/12/2018 Tráng Thị D được Công an Trung Quốc giải cứu, trao trả về Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế Lạng Sơn, về nhà và đến Công an xã Cốc Mỳ trình báo sự việc.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lò A D về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa bị cáo đã nhận tội, như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo có hành vi “Mua bán người”. Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản Cáo trạng. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo từ 8 (tám) năm đến 9 (chín) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị hại Tráng Thị D, anh Giàng A Khoa và bị cáo Lò A D. Bị cáo Lò A D phải bồi thường cho anh Giàng A Khoa số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu), tiền chi phí đi tìm chị Tráng Thị D.

Về vật chứng: Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự, truy thu của bị cáo số tiền 3.300.000 đồng do phạm tội mà có, nộp ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử, khi quyết định hình phạt, xử bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xử phạt bị cáo 7 (bảy) năm tù.

Tại phiên tòa: Bị hại Tráng Thị D và anh Giàng A Khoa yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu), tiền chi phí đi tìm chị Tráng Thị D.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử, xử mức án nhẹ nhất để sớm về đoàn tụ

gia đình. Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị Tráng Thị D và anh Giàng A Khoa, chồng bị hại Tráng Thị D số tiền chi phí đi tìm Tráng Thị D là 12.000.000 đồng (mười hai triệu)

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác đã có trong hồ sơ.

Như vậy Lò A D khi đi sang Trung Quốc làm thuê có quen một người đàn ông Trung Quốc có cho Lò A D số điện thoại và bảo Lò A D “Nếu đưa được người phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán cho người đàn ông đó thì người đó sẽ cho tiền”, vì vậy khoảng 23 giờ ngày 19/4/2018, Lò A D đi bộ từ nơi ở thôn Tân Giang, xã C, huyện B thì gặp Tráng Thị D đang đứng nói chuyện với bố là Tráng A Thanh, Lò A D đi đến nói chuyện và được biết Tráng A Thanh đang ở Đắc Nông về đón con gái là Tráng Thị D trốn gia đình nhà chồng đi Đắc Nông chơi, Lò A D nảy sinh ý định lừa Tráng Thị D đi sang Trung Quốc bán, Lò A D đưa Tráng Thị D đi theo lối mòn đi xuống bờ Sông Hồng, dùng túi nilon (loại túi bao phân đạm) làm phao bơi qua sông. Lò A D đã hẹn người đàn ông ra bờ sông phía Trung Quốc đón Lò A D đưa người phụ nữ Việt Nam sang bán, người đàn ông Trung Quốc đã đồng ý, sau khi sang đến bên Trung Quốc, Lò A D đưa Tráng Thị D lên đường ô tô đợi khoảng 05 phút thì một người đàn ông Trung Quốc khoảng 40 tuổi, đi xe mô tô đến và đưa Tráng Thị D đi và người đàn ông Trung Quốc đưa cho Lò A D được 1000 CNY (Một nghìn nhân dân tệ), sau đó Lò A D đi đổi ra tiền Việt Nam được 3.300.000 (Ba triệu ba trăm nghìn) đồng, khi bán Tráng Thị D, Tráng Thị D đã trên 16 tuổi, như vậy bị cáo đã có hành vi lừa gạt Tráng Thị D để bán, bị cáo đã có hành vi mua bán người, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ

sung năm 2017. Lò A D đã đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đây là tình tiết định khung hình phạt. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi của bị cáo Lò A D là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an ở địa phương.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội và bị phát hiện bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm và tài sản cho chị Tráng Thị D số tiền là 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường cho bị hại và anh Giàng A Khoa chồng bị hại số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu), tiền chi phí đi tìm chị Tráng Thị D. Do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Đối với quan điểm của người bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xét thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, mặt khác hành vi mua bán người của bị cáo xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do, quyền làm người của nạn nhân, coi con người như một hàng hóa để mua, bán, trao đổi nhằm mục đích kiếm lợi nhuận, vì vậy phải có mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Tráng Thị D yêu cầu bị can bồi thường tổng số tiền là 19.200.000đ (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng), gồm: tiền bồi thường danh dự nhân phẩm là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) và tiền chiếc điện thoại di động do Lò A D giữ khi đưa Tráng Thị D đi sang bên Trung Quốc bán là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 13 và ngày 21/01/2019, bị cáo Lò A D đã tác động đến gia đình và chị Giàng Thị Cờ vợ bị cáo đã bồi thường số tiền 19.200.000đ (Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) cho Tráng Thị D. Tại phiên Tòa chị Tráng Thị D yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị và chồng chị là anh Giàng A Khoa số tiền chi phí đi tìm chị là 12.000.000 đồng (mười hai triệu). Tại phiên tòa bị cáo đồng ý. Xét thấy số tiền anh Giàng A Khoa chi phí đi tìm chị Tráng Thị D là do bán tài sản mà có, vì vậy là tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử đưa anh Giàng A Khoa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, sự thỏa thuận của bị hại Tráng Thị D, anh Giàng A Khoa (chồng bị hại) là tự nguyện, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 4 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 qui định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen trắng Lò A D sử dụng gọi cho người đàn ông Trung Quốc để bán Tráng Thị D ngày 19/4/2018, chiếc điện thoại này sau khi sử dụng một thời gian đến khoảng đầu tháng 5/2018, Lò A D đi làm thuê bốc vác đã làm rơi chiếc điện thoại này xuống Sông Hồng mất, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động loại VIETTELL, Lò A D cầm của Tráng Thị D ngày 19/4/2018, mục đích không cho Tráng Thị D gọi liên lạc với người nhà, khi cầm về đến nhà, chiếc điện thoại bị nước vào sập nguồn, Lò A D cầm vứt để dưới đồng củi ở góc sân trước cửa nhà. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với số tiền 3.300.000 đồng mà bị cáo có được do bán Tráng Thị D, bị cáo đã chi tiêu hết, đây là tiền do phạm tội mà có. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự, truy thu của bị cáo số tiền trên nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo chịu án phí theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lò A D phạm tội: “Mua bán người”.

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Lò A D 8 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 17 tháng 12 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 548, khoản 1 Điều 585, điểm c khoản 1 Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xác nhận bị cáo Lò A D đã bồi thường cho bị hại Tráng Thị D số tiền 19.200.000 đồng (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Lò A D và bị hại Tráng Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giàng A Khoa (chồng bị hại) về việc bị cáo Lò A D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tiền chi phí đi tìm chị Tráng Thị D cho chị Tráng Thị D và anh Giàng A Khoa số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu).

3. Về vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Lò A D số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Án phí: Bị cáo Lò A D phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo phải chịu 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS, TA tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ (2);
- Công an H. Bát Xát (2);
- THA DS;- THA HS;
- Lưu HS-TA (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2019/ TB -TA

Huyện Bát Xát, ngày 08 tháng 4 năm 2019

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2019/HSST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai có lỗi chính tả do nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại dòng 17 từ trên xuống trang 01 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát,”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã C,”

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh Lào Cai;
- VKS H. Bát Xát;
- Bị hại; Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- CA H. Bát Xát (2);
- THADS, HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

Báo cáo, n: Vô, n h×nh sù:

TPHọng Duy ChiỐn.

Họ và tên: Họ và tên: Lò A D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 03/3/1990 tại tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Ngô Văn Cường và bà Vũ Thị Duyên; có vợ Lê Thanh Sinh và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy.

Bị cáo Lò A D bị bắt, tạm giữ ngày 29/4/2019, tạm giam ngày 05/5/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam tại Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị Duyên;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Mạnh;

Địa chỉ: Xóm 10, xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;

- Chị Hà Thị Hợp;

Địa chỉ: Tổ 21, phường Duyên Hải, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 6 giờ ngày 29/4/2019 Lò A D một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 24P5 – 7911 đi từ nhà tại thôn 3, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát đến bến xe trung tâm thuộc tổ 19, phường Bình Minh, huyện Bát Xát mục đích mang quần để gửi xe khách xuống Hà Nội cho vợ là Lê Thanh Sinh. Trên đường đi do bản thân nghiện chất ma túy, Lò A D đã đến khu vực Cầu Sắt thuộc xã Cam Đường, huyện Bát Xát để tìm mua Heroine. Khi đến nơi Lò A D gặp một người đàn ông tên Nghị (không biết rõ tuổi, địa chỉ) đặt vấn đề hỏi mua ma túy Heroine và mua của người này 02 gói ma túy Heroine với giá 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) khi mua được ma túy Lò A D đã lấy chiếc quần bò đùi ở trong túi nilon ra để cất giấu 02 gói ma túy Heroine vào trong túi bên phải, sau đó để lại chiếc quần đó vào trong túi nilon tiếp tục điều khiển xe mô tô đến bến xe trung tâm. Khi đến nơi Lò A D đã cầm chiếc túi nilon đó vào cửa phòng bán vé xe khách Sao Việt. Khi Lò A D đang định lấy 02 gói ma túy Heroine ra khỏi túi quần thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lào Cai kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Tại Kết luận giám định số 91/GĐMT ngày 02/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: 0,45 (Không phải bốn mươi lăm) gam chất bột khô, màu trắng, vón cục gửi giám định là chất ma túy Heroine (Hêrôin). Heroine (Hêrôin) thuộc danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định số 82/2013/NĐ - CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số 62/KSĐT ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Lò A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

QUAN ĐIỂM

Tuyên bố bị cáo Lò A D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Lò A D 1 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 29 tháng 4 năm 2019.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tịch thu tiêu hủy 0,33 (không phải ba mươi ba) gam Heroine được đựng trong một bì thư niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, trên mặt của bì niêm phong có ghi: “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ Lò A D có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện (thu giữ) ngày 29 tháng 4 năm 2019 tại tổ 19, phường Bình Minh, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai” và 01 túi nilon màu xanh.

Trả lại cho bị cáo 01 sim có số thuê bao 01657321928; 01 chiếc quần bò đùi màu xanh đã bị rách; 01 chiếc quần bò dài.

Tạm giữ 01 điện thoại NOKIA màu đen đã qua sử dụng có số imel: 354563052436556 để đảm bảo thi hành án

Trả lại cho bà Vũ Thị Duyên 01 xe mô tô nhãn hiệu S.PHONDA BKS 24P5 – 7911 có số khung 88B034141, số máy 90034141 xe cũ đã qua sử dụng;

3. Án phí: Bị cáo Lò A D phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

